TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2017/HSST
Ngày 28/6/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ
Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Tiến D
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị T
2. Ông Trương Văn B,

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:* Bà Lê Thị H, Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Viết T - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28/6/2017 tại Trường Tiểu học xã Tam Chung, huyện Mường Lát, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2017/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2017/QĐST-QĐ ngày 15/5/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phàng Thị M - Sinh năm 1980. Nơi sinh: Huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKTT: Bản Khằm 1, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở hiện nay: Bản Khằm 1, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Con ông: Phàng A S, đã chết; Con bà; Hờ Thị T, sinh năm 1965; Có chồng: Vàng A C, sinh năm 1979; Có 05, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh ngày 30/3/2014.

- Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/8/2016 đến ngày 16/8/2016 thì được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người phiên dịch cho bị cáo: Anh Lâu Văn Q, sinh năm 1993
Trú tại: Bản Pù Toong, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Ngọc K - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 12/8/2016, Phàng Thị M một mình đi bộ theo đường mòn đến khu vực cầu G9 thuộc địa phận bản Kéo Hượn, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát để mua dưa chuột và ớt. Sau khi mua được dưa chuột và ớt, Bị cáo gặp một người phụ nữ dân tộc Mông, công dân Lào, không biết tên và mua của người phụ nữ này này 01 gói nilon màu hồng, bên trong có nhiều gói nhỏ hêrôin với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Mục đích Bị cáo mua ma túy đem về với sử dụng dần và nếu có con nghiện mua thì bán. Đến khoảng 09 giờ ngày 13/8/2017 bị cáo đi sang nhà bà Hờ Thị D (Thường gọi là C) cách nhà bị cáo khoảng 100m để sạc nhờ điện thoại di động, lúc này nhà bà chư không có ai ở nhà. Khi Bị cáo đang ở nhà bà C thì có 01 người thanh niên không quen biết đến hỏi mua hêrôin, Bị cáo đã bán cho người thanh niên này 01 gói hêrôin và người này đưa cho mang một tờ tiền mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), Bị cáo lấy tiền của mình trả lại cho người thanh niên này 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) rồi bỏ tờ 200.000đ vào túi đeo trước bụng. Khi mua xong hêrôin, người thanh niên này đi đâu thì Bị cáo không biết. Ngay sau đó, Tổ công tác tuần tra Công an huyện Mường Lát phát hiện và bắt quả tang, thu giữ trong túi vải màu đen đeo trước bụng của Mang 01 gói nilon màu hồng, bên trong có chứa 12 gói hêrôin có kích thước to nhỏ khác nhau, đều bọc bằng túi nilon màu hồng, cùng với số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) mà Bị cáo vừa bán hêrôin trước đó.

Tại bản kết luận giám định số: 1194/MT – PC54 ngày 16/8/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Các cục bột màu trắng ngà dạng nén của phong bì niêm phong gửi giám định có trọng lượng là 1,870gam *(Một phẩy tám mươi bảy gam)*. Qua giám định có thành phần hêrôin.

Tại bản kết luận giám định số: 938/MT – PC54 ngày 30/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chất bột màu trắng ngà của phong bì niêm phong gửi giám định có hàm lượng hêrôin là 22,48% *(Hai mươi hai phẩy bốn tám phần trăm)*.

Tại Cáo trạng số 09/CTr-VKS-MT ngày 07/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố Phàng Thị M về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 điều 194 BLHS. Đồng thời áp dụng Nghị quyết 109/2015/NQ/QH13 ngày 27/11/2015 của quốc Hội; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội và khoản 3, điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 về nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo khoản 1, điều 251 BLHS năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Phàng Thị Mang về tội "Mua bán trái phép chất ma

túy". Bị cáo đã đi mua ma túy về với mục đích để sử dụng và bán cho các con nghiện để kiếm lời, cụ thể là bị cáo đã bán cho một người thanh niên không quen biết 01 gói hêrôin với số tiền là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

Nên đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Đề nghị HĐXX tuyên bị cáo Phàng Thị M phạm tội "Mua bán trái pháp chất ma túy".

+ Áp dụng điều luật: Điều 33; điểm p, khoản 1, điều 46; khoản 1 điều 194 BLHS đối với bị cáo.

+ Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo từ **30** tháng đến **36** tháng tù.

+ Về vật chứng: Đề nghị HĐXX xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo vắng mặt nhưng đã có bản luận cứ bào chữa cho bị cáo, người bào chữa đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt. Nhưng cho rằng, trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải được quy định tại điểm p, khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, Bị cáo là người dân tộc thiểu số, lại sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, là phụ nữ không nói được tiếng phổ thông, không được tiếp cận tường xuyên với các phương tiện thông tin đại chúng, việc phổ biến tuyên truyền tác về hại của ma túy chưa được thường xuyên đến đồng bào vùng sâu, vùng xa; trình độ văn hóa của bị cáo thấp nên dẫn đến nhận thức về pháp luật còn hạn chế, nên mới phạm tội. Hơn nữa, gia đình bị cáo là hộ nghèo của xã Trung Lý, con của bị cáo đông con, con nhỏ nhất mới sinh 30/3/2014, rất cần có sự chăm sóc của người mẹ mẹ để chăm sóc, giáo dục, trước khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của thôn bản, bản thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án thấp nhất có thể, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội để nuôi dạy con cái và trở thành công dân có ích cho xã hội, nhưng vẫn có tính phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, đồng tình với bán luận cứ bào chữa của trợ giúp viên pháp lý đã bào chữa cho bị cáo, không thay đổi, bổ sung thêm gì, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm phạm tội của mình: Ngày 12/8/2016, bị cáo đi mua ma túy về để sử dụng và nếu có con nghiện hỏi mua thì bán, ngày 13/8/2016 bị cáo đã bán cho 01 người thanh niên không quen biết 01 tép hêrôin với giá là 100.000đ. Sau đó tổ công tác tuần tra Công an huyện Mường Lát đã phát hiện và bắt quả tang bị cáo đang cất dấu trong người 01 gói nilon màu hồng, bên trong có 12 gói có kích thước to nhỏ khác nhau đều bọc bằng túi nilon màu hồng, bị cáo đã thừa nhận đó là hêrôin mua về để sử dụng và các con nghiện xin thì cho nhưng phải trả tiền. Quá trình điều tra, truy tố cơ quan có thẩm quyền đã giám định số ma túy thu giữ của bị cáo có tổng trọng lượng là 1,870gam, qua giám định số ma túy thu giữ của bị cáo có thành phần hêrôin. Tòa án nhân dân huyện Mường Lát đã đi giám định hàm lượng hêrêin thì hàm lượng hêrôin là 22,48% (Hai mươi hai phẩy bốn tám phần trăm), quy đổi ra nguyên chất hêrôin là 0,420gram (Không phẩy bốn trăm hai mươi gam).

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về ma túy, hơn nữa ma tuý hiện nay đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội, nó không những gây ảnh hưởng lớn đến sức khỏe, nhân phẩm, đạo đức của con người, mà còn phá hoại hạnh phúc nhiều gia đình, làm suy thoái giống nòi và còn là hiểm hoạ phát sinh những tội phạm khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội, bị cáo biết rõ điều đó nhưng vẫn bán cho con nghiện với mục đích kiếm lời, thu lợi bất chính. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Như vậy, với hành vi của bị cáo, tính chất vụ án, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo và trọng lượng ma túy thu giữ của bị cáo sau khi giám định hàm lượng, trọng lượng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tội danh và mức hình phạt được quy định tại khoản 1, điều 194 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải, nên HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm p, khoản 1, điều 46 Bộ luật hình sự. Mặt khác, bị cáo không được đi học nên không biết chữ, không nói được tiếng phổ thông, dẫn đến nhận thức pháp luật còn hạn chế, lại sinh sống từ nhỏ ở vùng kinh tế, xã hội đặc biết khó khăn, nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền

sự, bị cáo lại đông con, các con đang còn nhỏ. Đồng thời, HĐXX áp dụng vào Nghị quyết 109/2015/NQ/QH 13; Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 26/9/2016 của Quốc Hội khóa 13; Hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao; Công văn số 301/TANDTC ngày 07/10/2016 của Tòa án nhân dân Tối cáo về áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015 cho bị cáo; khoản 3, điều 7 BLHS năm 2015 và khoản 1, điều 251 BLHS 2015 đối với bị cáo. Với các tình tiết này thì Hội đồng xét xử cũng cân nhắc khi lượng hình phạt cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở thành người công dân có ích.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm", do đó bị cáo bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nương rẫy, điều kiện kinh tế khó khăn, đang ở chung với bố mẹ chồng và lại là hộ nghèo của xã Trung Lý, huyện Mường Lát. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho bị cáo và người thanh niên đã mua ma túy của bị cáo, thì Cơ quan CSĐT sẽ tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý ở vụ án khác.

Vật chứng trong vụ án: Số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau khi giám định là tang vật vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành và 01 túi vải màu đen đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo đấy là vật chứng của vụ án, căn cứ điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình (Nay là điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015) cần tịch thu hiêu hủy.

01 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) là tiền thu giữ của bị cáo; trong đó có 100.000đ là tiền bị cáo bán hêrôin mà có, đây là tiền do phạm tội mà có, căn cứ điểm b, khoản 1 điều 41, điểm a khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự (Nay là điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015) tịch thu, sung công quỹ Nhà nước. Còn lại 100.000đ (Một trăm nghìn đồng chẵn) đây không phải là vật chứng của vụ án, căn cứ khoản 2 điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự (Nay là điểm a, khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015) trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Phàng Thị M phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma tuý".

Áp dụng: Điều 33; điểm p, khoản 1, điều 46; khoản 1, điều 194 BLHS năm 2009; khoản 3, điều 7; khoản 1, điều 251 BLHS năm 2015 đối với bị cáo.

Xử phạt: Bị cáo Phàng Thị M 30 (Ba mươi) tháng tù. Được trừ đi 03 (Ba) ngày đã bị tạm giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về tang vật: Áp dụng điểm a, điểm b, điểm c, khoản 2 điều 76 Bộ luật hình sự (Nay là khoản 1; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015); Điều 41 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ gói niêm phong và 1,574gam chất bột màu trắng ngà là các mẫu vật còn lại sau giám định. Tất cả được đựng trong một phong bì do Phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành được dán kín, niêm phong bởi chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Trần Thị Thúy Hằng và Ngô Công Tuấn và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, đây là tang vật vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu hiêu hủy. Vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/4/2017 giữa Tòa án nhân dân huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát.

Tịch thu tiêu hủy 01 túi vải màu đen đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo. Trả lại cho bị cáo 100.000đ (Một trăm nghìn đồng chẵn) đã thu giữ của bị cáo.

Truy thu sung công quỹ Nhà nước: 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo.

Các vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/02/2017 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự (Nay là khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015); Khoản 1, điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên: Bị cáo Phàng Thị M phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt bị cáo; vắng mặt người bào chữa cho bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo phải thi hành khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm, nếu không tự nguyện thì bị cưỡng chế theo điều 9 luật THADS, thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H.Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- Cơ quan CSĐT- Công an huyện Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Trung Lý, H. Mường Lát;
- Bị cáo Phàng Thị M;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Tiến D